

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2011/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức trích kinh phí, nội dung và mức chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 197/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về việc bổ sung sửa đổi một số Điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; các Nghị định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về việc bổ sung sửa đổi một số Điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về Quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 27/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 296/TTr-STC ngày 26 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành Quy định mức trích kinh phí; nội dung chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

a) Quy định này áp dụng đối với các công trình, dự án, tiểu dự án có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*không áp dụng đối với các dự án di dân tái định cư Thủy điện Tuyên Quang*).

b) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thành phố; Tổ chức phát triển quỹ đất được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các chủ đầu tư xây dựng công trình và cán bộ làm công tác thẩm định, bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm cả các cán bộ được trưng tập và hợp đồng) do cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật;

c) Các đối tượng khác có liên quan tới việc lập, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức được giao thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Quy định mức trích kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1- Kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được trích không quá 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, tiểu dự án (Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này).

2- Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến mức trích không quá 2.5% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, tiểu dự án.

3- Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến việc lập dự toán kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo khối lượng công việc thực tế, không khống chế tỷ lệ 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, tiểu dự án.

4- Đối với các dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến nếu thực hiện trên nhiều địa bàn khác nhau (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) thì mức trích kinh phí tính theo diện tích thu hồi trên từng địa bàn; mức trích kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 3: Quy định nội dung và mức chi kinh phí:

Nội dung và mức chi kinh phí: Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính (*không bao gồm chi cho nội dung đo đạc, lập bản đồ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất*); Nghị Quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 27/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

và các văn bản chế độ chính sách hiện hành có liên quan. Ngoài ra một số nội dung và mức chi kinh phí được quy định cụ thể như sau:

1- Chi Hội nghị bao gồm: Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 21/10/2009 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra một số Hội nghị được quy định cụ thể như sau:

- Hội nghị thông báo chủ trương thu hồi đất, triển khai các chính sách của Nhà nước có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và hướng dẫn kê khai: Thành phần gồm Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và người bị thu hồi đất (tổ chức, hộ gia đình và cá nhân) trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

- Hội nghị họp xét xác định nguồn gốc đất, các trường hợp được bồi thường, hỗ trợ, không được bồi thường, hỗ trợ: Thành phần gồm: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn, trưởng thôn và đại diện của những người bị thu hồi đất;

- Hội nghị họp lấy ý kiến về phương án bồi thường và giải quyết những kiến nghị, vướng mắc (nếu có): Thành phần gồm: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn, trưởng thôn và đại diện của những người bị thu hồi đất (tổ chức, hộ gia đình và cá nhân) trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

- Hội nghị thông báo công khai quyết định phê duyệt phương án tổng thể: Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thành phần gồm Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và người bị thu hồi đất (tổ chức, hộ gia đình và cá nhân) trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

Thời gian tổ chức hội nghị: Theo đặc điểm quy mô từng dự án, công trình nhưng phải trên cơ sở khoa học và tiết kiệm.

2- Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp làm công tác bồi thường GPMB:

- Điều kiện được chi hỗ trợ:

+ Dự án có dưới 50 hộ phải bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng không vượt quá mức tối đa 15 ngày; hỗ trợ cho số ngày làm công tác thẩm định thực tế ngoài hiện trường không vượt quá mức tối đa: 5 ngày; Mức chi là 50.000 đồng/người/ngày.

+ Dự án có từ 50 đến 100 hộ phải bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng không vượt quá mức tối đa 25 ngày; hỗ trợ cho số ngày làm công tác thẩm định thực tế ngoài hiện trường không quá 10 ngày; Mức chi là 50.000 đồng/người/ngày.

+ Dự án có trên 100 hộ phải bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng không vượt quá mức tối đa 30 ngày; hỗ trợ cho số ngày làm công tác thẩm định thực tế ngoài hiện trường không quá 15 ngày; Mức chi là 50.000 đồng/người/ngày.

3- Chi cho công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt:

- Đối với công trình, dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dưới 3.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,5%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với công trình, dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ 3.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,3%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với công trình, dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên 10.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,2%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

4- Mức chi cho công tác thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt:

- Đối với hồ sơ công trình, dự án có giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt dưới 200 triệu đồng mức chi là 500.000đồng/công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với hồ sơ công trình, dự án có giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng mức chi là 0,25%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với hồ sơ công trình, dự án có giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng mức chi là 0,20%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với hồ sơ công trình, dự án có giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 1.000 triệu đồng đến dưới 5.000 triệu đồng mức chi là 0,15%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với hồ sơ công trình, dự án có giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 5.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng mức chi là 0,1%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

- Đối với hồ sơ công trình, dự án có giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng được duyệt từ 10.000 triệu đồng trở lên mức chi là 0,07%/giá trị kinh phí bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án hoặc tiểu dự án;

Các mục chi trên, đến cuối niên độ năm ngân sách (ngày 31/12 hàng năm) nếu chi không hết được chuyển sang sử dụng để chi tiếp cho năm sau.

Tổng mức chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên, không được chi vượt quá mức trích kinh phí theo quy định tại Điều 2 Quyết định này và đảm bảo không làm vượt tổng dự toán đã được phê duyệt.

Điều 4. Việc lập dự toán, kế toán và quyết toán các nội dung chi tại Điều 3 Quyết định này thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 5. Xử lý các dự án đang thực hiện:


Đối với những dự án, tiểu dự án, hạng mục đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực

thi hành thì việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo các quy định trước đây, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

Điều 6. Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

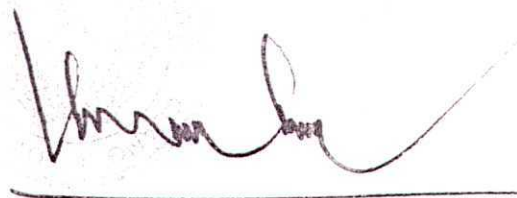
Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 01/2/2007 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Quy định định mức chi, công tác quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 01/2/2007 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Quy định định mức chi, công tác quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 8. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Thủ trưởng các cơ quan ban ngành của tỉnh; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thành phố; Tổ chức phát triển quỹ đất được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các Chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận : 

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| - Văn phòng Chính phủ; | Báo |
| - Bộ Tài chính; | |
| - Bộ Tài nguyên và Môi trường | cáo |
| - Thường trực Tỉnh ủy; | |
| - Thường trực HĐND tỉnh; | |
| - Đoàn đại biểu Quốc hội ĐP; | |
| - CT và các PCT UBND tỉnh; | |
| - Cục KTVB- Bộ Tư Pháp | |
| - UB MTTQ Quốc và các đoàn thể tỉnh; | |
| - Các Sở, Ban ngành thuộc UBND tỉnh; | |
| - Các Phó VP UBND tỉnh; | |
| - Như Điều 8: Thi hành; | |
| - Các CV VP UBND tỉnh; | |
| - Lưu: VT (A.) | |

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm